

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2015

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa;
phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm
đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6
năm 2005;*

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11
năm 2007;*

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

*Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ
Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm
tra, giám sát, kiểm soát hải quan;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật Sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Quản lý thuế;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ
quy định chi tiết Luật Thương mại về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;*

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Quyết định số 49/QĐ-CTN ngày 06 tháng 3 năm 1998 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc Việt Nam tham gia Công ước Quốc tế về Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa;

Thực hiện Nghị định thư quy định việc thực hiện Danh mục thuế quan hài hòa ASEAN;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu như sau:

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn việc phân loại hàng hóa, sử dụng kết quả phân tích để phân loại hàng hóa, sử dụng kết quả phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Người khai hải quan, cơ quan hải quan, công chức hải quan và các tổ chức, cá nhân khác khi thực hiện các công việc có liên quan đến phân loại hàng hóa, thực hiện kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là đối tượng thực hiện Thông tư này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công ước Quốc tế về Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa* (International Convention on the Harmonized Commodity Description and Coding System) (gọi tắt là Công ước HS) là Công ước do Hội đồng hợp tác Hải quan, nay gọi là Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO) thông qua ngày 14 tháng 6 năm 1983 tại Bruxelles, Vương quốc Bỉ về "Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa".

2. *Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa của Tổ chức Hải quan Thế giới* (sau đây gọi tắt là *Hệ thống HS*), là hệ thống bao gồm danh mục những nhóm hàng, phân nhóm hàng cùng các mã số có liên quan, chú giải pháp lý Phần, Chương, Phân nhóm và các Quy tắc tổng quát.

3. *Danh mục hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa của Tổ chức Hải quan Thế giới* (sau đây gọi tắt là *Danh mục HS*) là danh mục những nhóm hàng (mã 4 chữ số), phân nhóm hàng (mã 6 chữ số), chú giải pháp lý Phần, Chương, Phân nhóm được sắp xếp một cách có hệ thống ứng với tên, mô tả và mã số hàng hóa.

4. *Quy tắc tổng quát* là các quy tắc chung để giải thích Hệ thống HS nhằm phân loại hàng hóa vào một nhóm, phân nhóm nhất định.

5. *Chú giải pháp lý* là những nội dung giải thích các phần, chương và phân nhóm được gắn kèm ở đầu các Phần, Chương của danh mục HS.

6. *Danh mục thuế quan hài hòa ASEAN* (sau đây gọi tắt là Danh mục AHTN) là danh mục hàng hóa của các nước ASEAN, được xây dựng trên cơ sở Hệ thống HS của Tổ chức Hải quan Thế giới.

7. *Phân tích hàng hóa* là việc các tổ chức chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan hải quan phân tích mẫu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bằng máy móc, thiết bị kỹ thuật để xác định:

a) Thành phần, cấu tạo, tính chất lý, hóa, công dụng làm cơ sở phân loại hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

b) Các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa theo tiêu chuẩn quốc gia do các cơ quan quản lý nhà nước ban hành hoặc tiêu chuẩn quốc tế để kiểm tra chuyên ngành (kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm) làm căn cứ quyết định thông quan hàng hóa.

8. *Giám định hàng hóa* là việc cơ quan hải quan trưng cầu giám định tại các tổ chức giám định theo quy định của pháp luật để phân tích, xác định cấu tạo, thành phần, tính chất lý, hóa, công dụng của hàng hóa theo yêu cầu của cơ quan hải quan để xác định tên hàng, áp mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 3. Phân tích để phân loại hàng hóa

1. Trường hợp cơ quan hải quan không đủ cơ sở để xác định tính chính xác việc phân loại hàng hóa của người khai hải quan thì thực hiện phân tích để phân loại hàng hóa.

2. Trường hợp cơ quan hải quan không đủ điều kiện thực hiện phân tích hàng hóa thì sử dụng dịch vụ giám định của các tổ chức giám định theo quy định của pháp luật về dịch vụ giám định thương mại để làm cơ sở thực hiện.

3. Để phân loại hàng hóa, người khai hải quan có thể sử dụng các dịch vụ giám định hàng hóa của các tổ chức giám định theo quy định của pháp luật hoặc cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam để xác định các thông tin về thành phần, tính chất lý, hóa, tính năng, công dụng của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Mục 2 PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

Điều 4. Nguyên tắc phân loại hàng hóa

1. Một mặt hàng chỉ có một mã số duy nhất theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

2. Khi phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phải tuân thủ:

a) Điều 26 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

b) Điều 16 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 15/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát, kiểm soát hải quan;

c) Các nội dung hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 5. Sử dụng kết quả phân loại

1. Kết quả phân loại hàng hóa được sử dụng để áp dụng chính sách quản lý hàng hóa trên cơ sở thực hiện quy định về điều kiện, thủ tục, hồ sơ áp dụng tại Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu; Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Danh mục hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai.

2. Kết quả phân loại hàng hóa được sử dụng để áp dụng mức thuế đối với một mặt hàng trên cơ sở thực hiện quy định tại các Biểu thuế áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai và điều kiện, thủ tục, hồ sơ để được áp dụng mức thuế quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 6. Phân loại, áp dụng mức thuế đối với một số trường hợp đặc biệt

1. Trường hợp thực hiện phân loại hàng hóa theo quy định tại Điều 4 Thông tư này nhưng chưa xác định được mã số duy nhất theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam thì sử dụng các tài liệu sau:

a) Chú giải chi tiết Danh mục HS;

b) Tuyển tập ý kiến phân loại của WCO;

c) Chú giải bổ sung Danh mục AHTN;

d) Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

2. Trường hợp có sự khác biệt về mô tả hàng hóa tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và mô tả hàng hóa theo Danh mục HS thì áp dụng trực tiếp mô tả hàng hóa theo Danh mục HS để hướng dẫn phân loại và xử lý khiếu nại theo nguyên tắc áp dụng quy định của Điều ước quốc tế.

Tổng cục Hải quan thực hiện công khai các tài liệu ở khoản 1, khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan.

3. Trường hợp có ý kiến khác nhau về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế khi áp dụng Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, tiêu chuẩn chuyên ngành, Bộ Tài chính thống nhất với các Bộ quản lý chuyên ngành liên quan để xử lý.

4. Trường hợp Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan hữu quan khác ban hành văn bản sửa đổi, hướng dẫn phân loại, làm ảnh hưởng tới quá trình khai báo hải quan về mã số, mức thuế và hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh của người khai hải quan, người nộp thuế thì thực hiện phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế kể từ ngày văn bản sửa đổi hướng dẫn phân loại có hiệu lực pháp luật theo quy định.

Điều 7. Phân loại máy liên hợp hoặc tổ hợp máy thuộc các Chương 84, Chương 85 và Chương 90 của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam

1. Người khai hải quan nhập khẩu máy liên hợp (gồm hai hay nhiều máy) hoặc tổ hợp máy thuộc các Chương 84, Chương 85 và Chương 90 của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được lựa chọn phân loại theo quy định tại Chú giải pháp lý 3, 4, 5 Phần XVI của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam hoặc phân loại theo từng máy móc, thiết bị.

2. Trường hợp phân loại máy liên hợp hoặc tổ hợp máy theo quy định tại Chú giải 3, 4, 5 Phần XVI của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, không phân biệt các máy đó được nhập khẩu từ nhiều nguồn, về cùng chuyến hay nhiều chuyến, làm thủ tục tại một hay nhiều cửa khẩu khác nhau thì người khai hải quan, cơ quan hải quan thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3, khoản 4 dưới đây.

3. Thủ tục thực hiện đối với người khai hải quan:

a) Người khai hải quan đăng ký Danh mục máy móc, thiết bị, sau đây gọi tắt là danh mục, bằng phương thức điện tử (theo mẫu số 01/ĐKDMTB/2015, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này), kèm theo 01 phiếu theo dõi trừ lùi (theo mẫu số 02/PTDTL-DMTB/2015, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) trước khi nhập khẩu lô hàng đầu tiên tại Chi cục hải quan nơi thuận tiện nhất;

b) Trường hợp Danh mục đã đăng ký nhưng người khai hải quan cần sửa đổi, bổ sung thì người khai hải quan nộp Danh mục và phiếu theo dõi trừ lùi sửa đổi, bổ sung cho Chi cục hải quan đăng ký Danh mục trước thời điểm nhập khẩu hàng hóa lần đầu hoặc trước thời điểm nhập khẩu máy móc thiết bị cho lô hàng tiếp theo có sửa đổi, bổ sung Danh mục;

c) Trường hợp mất Danh mục và Phiếu theo dõi trừ lùi thì người khai hải quan có văn bản gửi cơ quan hải quan nơi đăng ký Danh mục lần đầu đề nghị cấp lại Danh mục; lập phiếu theo dõi trừ lùi mới trong đó tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số tờ khai và số lượng máy móc, thiết bị trong Danh mục đã nhập khẩu gửi cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng tiếp theo.

4. Thủ tục thực hiện đối với cơ quan hải quan:

a) Khi tiếp nhận Danh mục:

a.1) Ngay sau khi người khai hải quan đăng ký danh mục theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, Chi cục hải quan nơi người khai hải quan đăng ký Danh